

TAND THỊ XÃ T
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2018/HSST

Ngày: 25/10/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Khắc Đức

2. Ông: Nguyễn Văn Quế

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 25/10/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2018/TLST-HS ngày 08/10/2018 và theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2018/QĐXXST-HS ngày 12/10/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đức P**; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 27/3/1983 tại huyện D, tỉnh Nghệ An; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm 11, xã Diễn Đoài, huyện D, tỉnh Nghệ An; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Con ông: Nguyễn Đức Đoài, sinh năm 1960; nghề nghiệp: Làm ruộng; trú tại: Xóm 11, xã Diễn Đoài, huyện D, tỉnh Nghệ An và con bà Nguyễn Thị Tân (đã chết); Anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ: Nguyễn Thị Nam, sinh năm 1991; nghề nghiệp: Lao động tự do và có 02 (hai) con; lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Chưa; Nhân thân: Tại bản án số 37 ngày 24/6/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Yên T, tỉnh Nghệ An xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt ngày 13/02/2015.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/8/2018 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An - có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

- Anh Trần Chí T, sinh năm 1973

Trú tại: Khối Đồng Tâm 2, phường Hòa Hiếu, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

- Anh Trần Văn L, sinh năm 1990

Trú tại: Khối 6, phường Long Sơn, thị xã T, tỉnh Nghệ An

- Nguyễn Đức H, sinh năm 1964

Trú tại: Xóm 8, xã Nghĩa Thuận, thị xã T, tỉnh Nghệ An

Người chứng kiến:

Chị Cao Thị P, sinh năm 1986.

Trú tại: Xóm 3, xã Nghĩa Thuận, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 11/7/2018 đến ngày 04/8/2018 bị cáo Nguyễn Đức P đã thực hiện nhiều hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 13 giờ ngày 11/7/2018 bị cáo chuẩn bị sẵn một chiếc vạm phá khóa hình chữ “L” đi từ nhà ở của mình đến khu vực gần cửa hàng kinh doanh vàng bạc Hoài Đường thuộc khối Kim Tân, phường Hòa Hiếu, thị xã T phát hiện thấy có 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave anpha, màu trắng đen, BKS: 37H1-52300 của anh Trần Chí T dựng ở bên trái cửa hàng. Quan sát không thấy có ai trông coi nên bị cáo đã phá ổ khóa và lấy trộm chiếc xe. Sau khi lấy trộm được xe bị cáo xuống khu vực ngã ba Yên lý và đón xe khách gửi vào Miền Nam cho một người đàn ông tên Minh (bị cáo chỉ biết tên, không rõ họ và địa chỉ cụ thể) theo số điện thoại 0963.067.270 để nhằm mục đích tiêu thụ.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 8 giờ ngày 03/8/2018 bị cáo tiếp tục đến khu vực quán ăn sáng “Vân Yên” thuộc khối Kim Tân, phường Hòa Hiếu, thị xã T phát hiện có một chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu xám bạc, BKS: 36B3-71990 của anh Trần Văn L dựng trước quán ăn sáng không có ai trông coi nên bị cáo đã dùng vạm phá khóa lấy trộm rồi đi xuống khu vực ngã ba Yên Lý huyện D để gửi xe vào miền nam tiêu thụ, nhưng do không đón được xe khách bị cáo đã đưa xe về nhà cất giấu. Ngày 05/8/2018 Cơ quan CSĐT Công an thị xã T đã tiến hành thu giữ chiếc xe máy trên.

Vụ thứ ba: Khoảng 11 giờ ngày 04/8/2018 bị cáo lấy trộm một chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave anpha, màu trắng đen, BKS 37H1-51801 của anh Nguyễn Đức H dựng ở mép đường bên phải (theo hướng đi thị xã T-Yên Lý) quốc lộ 48 thuộc địa phận xóm 8, xã Nghĩa Thuận, thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 06 ngày 07/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản UBND thị xã T kết luận:

- Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu xám bạc, BKS 36B3-71990, xe đã qua sử dụng của anh Trần Văn L, trị giá 5.000.000đ (năm triệu đồng).

- Chiếc xe nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu trắng đen, BKS 37H1-51801, xe đã qua sử dụng của anh Nguyễn Đức H có trị giá là 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 09 ngày 17/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản UBND thị xã T kết luận:

- Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu trắng đen, BKS 37H1-52300 của anh Trần Chí T có trị giá 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng).

Như vậy tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của những người bị hại là 24.000.000đ (hai mươi tư triệu đồng).

Vật chứng vụ án:

- Thu giữ 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu xám bạc, BKS 36B3-71990 là chiếc xe của anh Trần Văn L; thu giữ 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu trắng đen, BKS 37H1-51801 là chiếc xe của anh Nguyễn Đức H. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của anh L và anh H, nên cơ quan CSĐT Công an thị xã T đã tiến hành trả cho những người bị hại.

- Thu giữ của bị cáo 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masster, màu đen, bên trong có chứa sim điện thoại số 01698.741.544 là phương tiện bị cáo dùng để liên lạc với đối tượng tiêu thụ tài sản ở Miền Nam.

- Thu giữ của bị cáo 01 (một) thanh vạm phá khóa làm bằng kim loại, hình chữ “L”, màu đen dài 15cm, một đầu được mài dẹt.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh Trần Văn L và anh Nguyễn Đức H đã nhận lại tài sản là những chiếc xe do bị cáo trộm cắp còn nguyên, nên không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave anpha, màu trắng đen, BKS: 37H1-52300, sau khi trộm cắp được bị cáo đã gửi vào Miền Nam cho một người đàn ông tên M (bị cáo chỉ biết tên, không rõ họ và địa chỉ cụ thể), nên không có cơ sở để điều tra thu hồi chiếc xe. Quá trình điều tra xác định chiếc xe trên của anh Trần Chí T và bị cáo đã tự nguyện bồi thường đầy đủ số tiền tương ứng với giá trị chiếc xe bị mất, nên anh T không có yêu cầu gì thêm về phần bồi thường đối với bị cáo.

Cáo trạng số 56/CT-VKS ngày 08/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Áp dụng khoản 1, 5 điều 173; điểm s, b khoản 1 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức P phạm tội

“Trộm cắp tài sản”; xử phạt bị cáo mức án tù từ 07 tháng tù đến 10 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo .

Vật chứng của vụ án:

- Áp dụng: Điểm b khoản 1 điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm a khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masster, màu đen, máy đã qua sử dụng của bị cáo.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 điều 106 tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại của bị cáo có số sim 01698.741.544 và 01 (một) thanh vạm phá khóa làm bằng kim loại, hình chữ “L”, màu đen dài 15cm, một đầu được mài dẹt.

Về trách nhiệm dân sự: Do những người bị hại không yêu cầu bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành của mình là vi phạm pháp luật, hiện nay gia đình bị cáo gặp nhiều khó khăn, vợ bị cáo bỏ đi, bị cáo phải nuôi 02 (hai) con nhỏ, bố bị cáo đã già yếu nên mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, tỉnh Nghệ An, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã T; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như quá trình điều tra và nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ như biên bản bắt người phạm tội quả tang cùng vật chứng thu giữ, lời khai của bị cáo, những người bị hại, người chứng kiến..., được xem xét và thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy có đủ cơ sở để khẳng định: Từ thời gian ngày 11/7/2018 đến ngày 04/8/2018, bị cáo lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản đã lén lút trộm cắp 03 (ba) chiếc xe máy, cụ thể: 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu xám bạc, BKS 36B3-71990 là chiếc xe của anh Trần Văn L, có trị giá 5.000.000đ (năm triệu đồng); 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu trắng đen, BKS

37H1-51801 là chiếc xe của anh Nguyễn Đức H, có trị giá 5.000.000đ (năm triệu đồng); 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu trắng đen, BKS 37H1-52300 của anh Trần Chí T, có trị giá 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng). Tổng trị giá tài sản tài sản mà bị cáo chiếm đoạt của người bị hại là 24.000.000đ (hai mươi tư triệu đồng). Mục đích trộm cắp tài sản của bị cáo là để tiêu xài cá nhân. Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

“Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”:

...”

Vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T đã truy tố bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn, gây bất bình lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng một mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị để cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội mà mình gây ra. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối bị cáo. Căn cứ vào hồ sơ tài liệu của vụ án và tại phiên tòa thấy rằng bị cáo có nhân thân xấu: Tại bản án số 37 ngày 24/6/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Yên T tỉnh Nghệ An xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt ngày 13/02/2015, mặc dù bị cáo đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng và rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản. Tuy nhiên thấy rằng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại anh Trần Chí T đầy đủ, nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự. Chỉ trong thời gian từ ngày 11/7/2018 đến ngày 04/8/2018 bị cáo đã 03 (ba) lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nên đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy sau khi chấp hành hình phạt tù trở về địa phương sinh sống, bị cáo không chấp hành tốt chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, mà vẫn tiếp tục phạm tội, nên xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết. Tuy nhiên Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến hoàn cảnh, điều kiện của bị cáo gặp nhiều khó khăn, vợ bỏ đi, một mình bị cáo còn nuôi

02 (hai) con còn nhỏ và cha già, nên giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước.

Hình phạt bổ sung: Theo biên bản xác minh nguồn thu nhập của bị cáo thấy rằng, bị cáo không nghề nghiệp ổn định thu nhập thấp, nên áp dụng khoản 5 Điều 173 miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

Về vật chứng của vụ án:

- Thu giữ 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu xám bạc, BKS 36B3-71990; thu giữ 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Anpha, màu trắng đen, BKS 37H1-51801. Quá trình điều tra đã xác định của người bị hại anh L và anh H. Do đó cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã làm thủ tục trả lại tài sản cho người bị hại là đúng quy định của Pháp luật.

- Thu giữ của bị cáo 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masster, màu đen là phương tiện bị cáo dùng để liên lạc với các đối tượng tiêu thụ tài sản ở Miền Nam. Xác định chiếc điện thoại là phương tiện dùng vào việc phạm tội, do đó cần hóa giá sung quỹ Nhà nước.

- Thu giữ của bị cáo 01 (một) sim điện thoại số 01698.741.544 và 01 (một) thanh vam phá khóa làm bằng kim loại, hình chữ “L”, màu đen dài 15cm, một đầu được mài dẹt. Xác định số sim điện thoại và thanh vam phá khóa là công cụ và phương tiện phạm tội của bị cáo không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại anh Trần Văn L, Nguyễn Đức H và anh Trần Chí T vắng mặt tại phiên tòa có lý do. Căn cứ vào quá trình điều tra cũng như ý kiến của anh L, anh H, anh T trình bày trong đơn xin xét xử vắng mặt thể hiện: Sau khi tài sản do bị cáo lấy trộm, nay Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã thu giữ và trả lại nguyên vẹn tài sản nên không có ý kiến yêu cầu gì đối với bị cáo. Còn đối với anh Trần Chí T do chiếc xe máy của anh sau khi trộm cắp được, bị cáo đã gửi vào Miền Nam để tiêu thụ và không có cơ sở để thu hồi được chiếc xe, tuy nhiên bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh T số tiền tương ứng với trị giá chiếc xe, do đó cũng không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

Đối với người đàn ông tên M ở Miền Nam bị cáo khai đã gửi chiếc xe máy trộm cắp vào cho M để tiêu thụ. Tuy nhiên quá trình điều tra không có đủ thông tin tài liệu để xác định nhân thân, lai lịch của M nên không có căn cứ để xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, 5 điều 173; điểm b, s khoản 1 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức P 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 04/8/2018. Miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng:

- Áp dụng: Điểm b khoản 1 điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu, hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masster, màu đen, máy đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Đức P.

- Áp dụng: Điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy: 01 (một) sim điện thoại số 01698.741.544 và 01 (một) thanh vạm phá khóa làm bằng kim loại, hình chữ “L”, màu đen dài 15cm, một đầu được mài dẹt của bị cáo Nguyễn Đức P.

Số vật chứng trên hiện nay đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã T theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/10/2018.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo P phải chịu 200.000VNĐ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Bị cáo; người bị hại;
- TAND Tỉnh Nghệ An;
- VKSND; Công an TX T;
- Thi hành án Dân sự TX T;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phùng Thị Hương Giang